TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 7 – 2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng

2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

***Thư ký phiên toà*:** Bà Triệu Thảo Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ D, khu phố E, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Như N, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà H, ông N có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N Quang Như N đăng ký kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do

hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được khoảng 4 năm thì vợ chồng chuyển xuống Bình Dương làm ăn, sinh sống cho đến nay. Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N có tính gia trưởng, không tôn trọng vợ con, luôn chửi bới, xúc phạm vợ, tuy nhiên vì con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng. Đến nay bà không thể chịu đựng được cuộc sống chung với ông N và các con đã lớn cũng ủng hộ việc bà ly hôn nên bà quyết định ly hôn. Khi biết bà gửi đơn ly hôn ông N níu kéo không được nên đã chửi bới, hăm dọa bà, hăm dọa nhân viên của bà khiến cho bà phải sang lại quán để đi xa làm ăn. Từ khi bà gửi đơn ly hôn với ông N thì bà đã chuyển ra ngoài sống riêng, bà không còn bất cứ liên lạc nào với ông N, chỉ còn liên lạc với các con. Nay bà xác định bà không còn tình cảm với ông N nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Hoàng Hải B, sinh ngày 24/5/2008 và Nguyễn Đình Doanh N1, sinh ngày 25/9/2009. Hai con hiện đang ở với ông N, để không ảnh hưởng đến cuộc sống và việc học tập của các con nên bà đồng ý giao hai con cho ông N nuôi dưỡng, bà sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 8.000.000 đồng/2 con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 4 năm 2024 bị đơn ông Nguyễn Quang Như N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Mỹ H đăng ký kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà H nói ông sống ích kỷ, gia trưởng. Ông xác nhận tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng trở về chung sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Hải B, sinh ngày 24/5/2008 và Nguyễn Đình Doanh N1, sinh ngày 25/9/2009. Hiện con đang ở với ông, nếu ly hôn ông không yêu cầu nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ H, cho bà Trần Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Quang Như N.

Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Hoàng Hải B, sinh ngày 24/5/2008 và Nguyễn Đình Doanh N1, sinh ngày 25/9/2009 cho ông Nguyễn Quang Như N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị Mỹ H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con 8.000.000 đồng /tháng (mỗi con 4.000.000 đồng/tháng).

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và tranh chấp về quyền nuôi dưỡng con chung đối với ông Nguyễn Quang Như N. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn ông Nguyễn Quang Như N cư trú tại thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Quang Như N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 13 tháng 3 năm 2008, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N là hợp pháp. Theo bà H trình bày cuộc sống hôn nhân xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do ông N có tính gia trưởng, không tôn trọng vợ con, luôn chửi bới, xúc phạm vợ và gia đình vợ. Bà H xác định bà không còn tình cảm với ông N nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N. Ông N không

trình bày mâu thuẫn, nhưng ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về chung sống.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H thì thấy: Ông N yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về chung sống, tuy nhiên khi Tòa án mở phiên hòa giải thì ông N vắng mặt. Mặt khác, thời gian qua ông N không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, thể hiện thái độ của ông N là không có thiện chí mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm với bà H. Qua xác minh tại địa phương thể hiện bà H và ông N không còn sống chung với nhau. Do đó, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông N có xảy ra và đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Trần Thị Mỹ H.

[4] Về con chung: Bà H và ông N có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Hải B, sinh ngày 24/5/2008 và Nguyễn Đình Doanh N1, sinh ngày 25/9/2009. Hiện các con đang ở với ông N. Khi ly hôn, bà H giao hai con chung cho ông N nuôi dưỡng để các con ổn định cuộc sống và thuận tiện trong việc học hành của các con, ông N không yêu cầu nuôi con. Xét thấy hai con Hải B và Doanh N1 hiện đang ở với ông N cuộc sống cũng như việc học tập ổn định, các con đều có nguyện vọng muốn ở với ông N. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao hai con Nguyễn Hoàng Hải B và Nguyễn Đình Doanh N cho ông Nguyễn Quang Như N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng (mỗi con 4.000.000 đồng/tháng). Xét việc cấp dưỡng của bà H là hoàn toàn tự nguyện và vì quyền lợi của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Trần Thị Mỹ H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con Nguyễn Hoàng Hải B và Nguyễn Đình Doanh N1 số tiền 8.000.000 đồng/tháng, mỗi con 4.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi các con thành niên.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ H về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* đối với ông Nguyễn Quang Như N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Quang Như N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Hải B, sinh ngày 24/5/2008 và Nguyễn Đình Doanh N1, sinh ngày 25/9/2009 cho ông Nguyễn Quang Như N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà Trần Thị Mỹ H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con Nguyễn Hoàng Hải B và Nguyễn Đình Doanh N số tiền 8.000.000 đồng/tháng (mỗi con 4.000.000 đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến ngày các con chung thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã tạm nộp theo biên lai thu số 0003655 ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Trần Thị Mỹ H còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) còn thiếu.

4. Quyền kháng cáo: Bà H, ông N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 20 ngày 13/3/2008);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Hằng